

BÁO CÁO

Tình hình thực hiện nhiệm vụ ngân sách nhà nước năm 2022

Kính gửi: Hội đồng nhân dân tỉnh

Căn cứ Nghị quyết số 107/NQ-HĐND ngày 11/12/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh về dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn; thu, chi ngân sách địa phương năm 2022;

Căn cứ Nghị quyết số 108/NQ-HĐND ngày 11/12/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh về phân bổ ngân sách địa phương năm 2022;

Căn cứ Nghị quyết số 119/NQ-HĐND ngày 11/12/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh về Kế hoạch tổ chức các kỳ họp Hội đồng nhân dân tỉnh năm 2022;

Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo về thực hiện ngân sách nhà nước, quyết toán ngân sách nhà nước (tạm ứng, thu hồi tạm ứng ngân sách, sử dụng dự phòng ngân sách nhà nước) năm 2022 như sau:

I. Tình hình thực hiện nhiệm vụ thu ngân sách nhà nước năm 2022

1. Báo cáo thu ngân sách nhà nước năm 2022

1.1. Tổng thu ngân sách nhà nước tính đến ngày 25/10/2022 là 3.022.800 triệu đồng, đạt 101% (3.022.800/2.987.000 triệu đồng) dự toán được Bộ Tài chính giao; đạt 87% (3.022.800/3.490.000 triệu đồng) so với dự toán Hội đồng nhân dân tỉnh giao; cụ thể:

- Thu nội địa (không kể thu dầu thô) 2.925.834 triệu đồng, đạt 105% (2.925.834/2.787.000 triệu đồng) dự toán được Bộ Tài chính giao; đạt 98% (2.925.834/2.990.000 triệu đồng) so với dự toán Hội đồng nhân dân tỉnh giao. Trong đó:

+ Thu nội địa (không bao gồm thu tiền sử dụng đất và thu xổ số kiến thiết): 2.571.412 triệu đồng; đạt 104% (2.571.412/2.467.000 triệu đồng) so với dự toán Bộ Tài chính giao; đạt 99,7% (2.571.412/2.580.000 triệu đồng) so với dự toán Hội đồng nhân dân tỉnh giao.

+ Thu tiền sử dụng đất 286.350 triệu đồng, đạt 84% (286.350/340.000 triệu đồng) dự toán được Hội đồng nhân dân tỉnh giao; Trong đó: Thu tiền sử dụng đất ngân sách tỉnh 89.902 triệu đồng, đạt 52% (89.902/173.700 triệu đồng) dự toán được Hội đồng nhân dân tỉnh giao; Thu tiền sử dụng đất ngân sách huyện, thành

phô 196.448 triệu đồng, đạt 118% (196.448/166.300 triệu đồng) dự toán được Hội đồng nhân dân tỉnh giao;

+ Thu từ hoạt động xổ số kiến thiết 68.072 triệu đồng, đạt 97% (68.072/70.000 triệu đồng) dự toán được Hội đồng nhân dân tỉnh giao;

- Thu từ hoạt động xuất nhập khẩu 96.966 triệu đồng, đạt 48% (96.966/200.000 triệu đồng) dự toán được Bộ Tài chính giao; đạt 19% (96.966/500.000 triệu đồng) so với dự toán Hội đồng nhân dân tỉnh giao.

1.2. Trên cơ sở kết quả thu trên, các yếu tố tăng, giảm thu, kết quả kiểm tra chống thất thu và xử lý nợ thuế; tổng thu ngân sách nhà nước trên địa bàn năm 2022 ước đạt 3.420.000 triệu đồng; đạt 114% (3.420.000/2.987.000 triệu đồng) so với dự toán Bộ Tài chính giao; đạt 98% (3.420.000/3.490.000 triệu đồng) so với dự toán Hội đồng nhân dân tỉnh giao. Trong đó:

- Thu nội địa năm 2022 ước đạt 3.320.000 triệu đồng, đạt 119% (3.320.000/2.787.000 triệu đồng) so với dự toán Bộ Tài chính giao; đạt 111% (3.320.000/2.990.000 triệu đồng) so với dự toán Hội đồng nhân dân tỉnh giao.

+ Thu nội địa (không kể thu tiền sử dụng đất, thu xổ số kiến thiết) ước đạt 2.910.000 triệu đồng; đạt 118% (2.910.000/2.467.000 triệu đồng) so với dự toán Bộ Tài chính giao; đạt 113% (2.910.000/2.580.000 triệu đồng) so với dự toán Hội đồng nhân dân tỉnh giao.

+ Thu tiền sử dụng đất ước thực hiện năm 2022 là 340.000 triệu đồng, 136% (340.000/250.000 triệu đồng) so với dự toán Bộ Tài chính giao; đạt 100% (340.000/340.000 triệu đồng) dự toán được Hội đồng nhân dân tỉnh giao.

+ Thu từ hoạt động xổ số kiến thiết 70.000 triệu đồng, đạt 100% (70.000/70.000 triệu đồng) dự toán được Hội đồng nhân dân tỉnh giao.

- Thu từ hoạt động xuất nhập khẩu: 100.000 triệu đồng, đạt 50% (100.000/200.000 triệu đồng) dự toán được Bộ Tài chính giao; đạt 20% (100.000/500.000 triệu đồng) so với dự toán Hội đồng nhân dân tỉnh giao.

2. Đánh giá tình hình thực hiện thu ngân sách nhà nước năm 2022

- Công tác thu ngân sách nhận được sự quan tâm, chỉ đạo sát sao của Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh; sự phối hợp hỗ trợ của các Sở, ngành, địa phương nhất là trong công tác quản lý nguồn thu, chống thất thu ngân sách, xử lý những khó khăn, vướng mắc của doanh nghiệp nhằm thúc đẩy hoạt động đầu tư, sản xuất kinh doanh, tạo nguồn thu cho ngân sách trong tình hình sản xuất kinh doanh trên địa bàn tỉnh đang phục hồi sau dịch Covid-19. Nguồn thu từ các dự án điện gió, điện mặt trời tiếp tục có những đóng góp quan trọng, chiếm tỷ trọng lớn trong tổng thu ngân sách trên địa bàn tỉnh. Ngành thuế chủ động triển khai thực hiện tốt công tác quản lý, đôn đốc thu nộp ngân sách, tuyên truyền, phổ biến kịp thời chính sách pháp luật thuế, đặc biệt là chính sách gia hạn, miễn giảm thuế của Quốc hội, Chính phủ nhằm tháo gỡ khó khăn cho doanh nghiệp, người dân bị ảnh hưởng dịch Covid-19, tạo điều kiện cho doanh nghiệp duy trì sản xuất kinh doanh.

- Bên cạnh những yếu tố thuận lợi, công tác thu ngân sách năm 2022 gặp một số khó khăn, tác động giảm thu ngân sách, đó là: Chính sách gia hạn, miễn giảm nộp thuế của Quốc hội, Chính phủ nhằm hỗ trợ doanh nghiệp, người dân tháo gỡ khó khăn do ảnh hưởng của dịch Covid-19. Một số doanh nghiệp gặp khó khăn về tình hình tiêu thụ và tài chính không có khả năng nộp thuế đúng thời hạn quy định, trong đó Nhà máy Bia Sài Gòn – Ninh Thuận và các doanh nghiệp hoạt động khai thác khoáng sản ảnh hưởng đến kết quả thu nộp ngân sách chung trên địa bàn tỉnh.

- Đối với thu nội địa: Ước thực hiện năm 2022: Có 13/16 khoản thu đạt và vượt tiến độ dự toán Hội đồng nhân dân tỉnh giao, gồm: thu từ khu vực doanh nghiệp nhà nước do Trung ương quản lý, thu từ khu vực doanh nghiệp nhà nước do địa phương quản lý, thu từ khu vực doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh, thu thuế thu nhập cá nhân, thu thuế sử dụng đất phi nông nghiệp, thu tiền sử dụng đất, thu tiền thuê đất, thuê mặt nước, lệ phí trước bạ, thu khác ngân sách, thu cấp quyền khai thác khoáng sản, tài nguyên nước; thu xổ số kiến thiết, thu hồi vốn và lợi nhuận sau thuế. Và có 3/16 khoản thu không đạt dự toán Hội đồng nhân dân tỉnh giao, gồm: thuế bảo vệ môi trường, thu phí – lệ phí, thu từ quỹ đất công ích và hoa lợi công sản khác.

** Các khoản thu trên đạt và vượt tiến độ dự toán Hội đồng nhân dân tỉnh giao chủ yếu là:*

+ Khu vực doanh nghiệp nhà nước trung ương ước thu 655 tỷ đồng, đạt 126% dự toán Hội đồng nhân dân tỉnh giao do có số nộp khá của một số doanh nghiệp như: Nhà máy Bia Sài Gòn – Ninh Thuận nộp phát sinh và nộp nợ đọng các năm trước; Công ty Điện Lực Ninh Thuận nộp thuế GTGT bổ sung cho điện áp mái nhà các năm trước, Công ty CP thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp quyết toán năm 2021,...;

+ Khu vực doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài ước thu 420 tỷ đồng, đạt 155,6% dự toán Hội đồng nhân dân tỉnh giao do có số nộp của nhà thầu xây dựng nước ngoài tham gia thi công các dự án điện gió, điện mặt trời, thu thuế thu nhập doanh nghiệp từ chuyển nhượng vốn;

+ Thuế thu nhập cá nhân ước thu 230 tỷ đồng, đạt 135,5% dự toán Hội đồng nhân dân tỉnh giao do có số thu đạt khá từ hoạt động chuyển nhượng bất động sản.

+ Thu lệ phí trước bạ ước thu 140 tỷ đồng, đạt 120,7% dự toán Hội đồng nhân dân tỉnh giao do thực hiện quy định mới về xác định giá khi chuyển nhượng bất động sản.

+ Thu tiền cho thuê đất, thuê mặt nước ước thu 65 tỷ đồng, đạt 224,1% dự toán Hội đồng nhân dân tỉnh giao do số nộp tiền thuê đất một lần của một số doanh nghiệp và hộ cá nhân thuê đất (33,3 tỷ đồng).

+ Thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản ước thu 68,5 tỷ đồng, đạt 195,7% dự toán Hội đồng nhân dân tỉnh giao do một số doanh nghiệp nộp nợ của những năm trước (Hoàng Khang PR nộp 15 tỷ,...)

** Các khoản thu trên không đạt dự toán, nguyên nhân là do:*

+ Thuế bảo vệ môi trường ước thu 210 tỷ đồng, bằng 64,6% dự toán Hội đồng nhân dân tỉnh giao do tác động của Nghị quyết 18/2022/UBTVQH15 ngày 23/3/2022 và Nghị quyết 20/2022/UBTVQH15 ngày 06/7/2022 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về giảm mức thuế bảo vệ môi trường đối với xăng, dầu, mỡ nhờn tác động giảm thu ngân sách nhà nước.

+ Thu phí, lệ phí ước thu 61,5 tỷ đồng, bằng 91,8% dự toán Hội đồng nhân dân tỉnh giao do thực hiện một số chính sách về phí, lệ phí (Thông tư 112/2021/TT-BTC ngày 15/12/2021 quy định mức thu, chế độ thu nộp, quản lý và sử dụng phí trong lĩnh vực quản lý nuôi trồng thủy sản; Thông tư 01/2022/TT-BTC ngày 11/01/2022 quy định mức thu, chế độ thu nộp, quản lý và sử dụng phí khai thác, sử dụng nguồn nước do cơ quan trung ương thực hiện;...) tác động giảm thu NSNN.

+ Thu cố định tại xã ước thu 4 tỷ đồng, bằng 72,7% dự toán Hội đồng nhân dân tỉnh giao do trong năm 2022 khoản thu hỗ trợ đền bù khi thu hồi đất tại các phường, xã không phát sinh; các khoản thu từ đất công ích giảm nhiều do tiến trình đô thị hóa nên diện tích đất công ích tại các phường, xã bị thu hồi.

** Đối với thu từ hoạt động xuất nhập khẩu:*

+ Trong 10 tháng đầu năm 2022, chỉ một số ít doanh nghiệp thực hiện dự án đầu tư Nhà máy điện gió, điện mặt trời, thủy điện nhập khẩu máy móc, thiết bị tạo tài sản cố định nên nguồn thu ngân sách nhà nước của Chi cục rất thấp. Hiện nay, các dự án năng lượng dự kiến khởi công trong năm 2022 đã tạm dừng toàn bộ do chờ Quy hoạch điện VIII được Chính phủ phê duyệt và thủ tục lựa chọn nhà đầu tư do Bộ Công thương ban hành.

+ Chi cục chủ yếu tiếp nhận và làm thủ tục hải quan cho hàng hoá nhập khẩu để sản xuất xuất khẩu (hạt điều thô, tôm thẻ còn vỏ bỏ đầu đông lạnh nhập khẩu); nhân hạt điều xuất khẩu, tôm đông lạnh xuất khẩu; và các loại hình xuất nhập khẩu này đều được miễn thuế nhập khẩu; thuế suất thuế xuất khẩu bằng 0 nên không có nguồn thu.

+ Theo Kế hoạch số 1660/KH-UBND ngày 20/4/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận về việc đẩy nhanh tiến độ hoàn thành hòa lưới 471 MW và khởi công 699MW các dự án năng lượng tái tạo: các dự án về lĩnh vực năng lượng tái tạo cobản đã hoàn tất thủ tục nhập khẩu trong năm 2021, 2022. Đối với các dự án dự kiến khởi công, do hiện nay Thủ tướng Chính phủ chưa ban hành về giá điện và chưa có hướng dẫn cụ thể về hình thức, thủ tục lựa chọn chủ đầu tư để thực hiện dự án năng lượng tái tạo, chưa có cơ sở để thực hiện các bước tiếp theo (như lựa chọn chủ đầu tư, cấp quyết định chủ trương đầu tư..) nên các dự án năng lượng chưa thực hiện thủ tục nhập khẩu máy móc thiết bị tạo tài sản cố định.

+ Chi cục dự kiến trong 02 tháng cuối năm 2022, nguồn thu chủ yếu từ nhập khẩu linh kiện, máy móc phục vụ dự án điện gió với kim ngạch nhập khẩu

rất ít (ước thu 1,5 tỷ đồng/tháng). Dự kiến đến 31/12/2022, số thu ngân sách nhà nước chỉ đạt 100 tỷ đồng.

(Chi tiết theo Phụ lục số 01 đính kèm)

II. Tình hình thực hiện chi ngân sách địa phương năm 2022

1. Báo cáo chi ngân sách địa phương năm 2022

1.1. Tổng chi ngân sách địa phương tính đến ngày 25/10/2022

a) Chi ngân sách địa phương (không bao gồm kinh phí thực hiện 03 Chương trình mục tiêu quốc gia) 4.480.776 triệu đồng, đạt 72% (4.480.776/6.237.423 triệu đồng) so với dự toán Bộ Tài chính giao, đạt 70% (4.480.776/6.437.423 triệu đồng) so với dự toán Hội đồng nhân dân tỉnh giao. Trong đó:

- Chi cân đối ngân sách địa phương 3.514.440 triệu đồng, đạt 77% (3.514.440/4.571.801 triệu đồng) so với dự toán Bộ Tài chính giao, đạt 74% (3.514.440/4.771.801 triệu đồng) so với dự toán Hội đồng nhân dân tỉnh giao; cụ thể:

- + Chi đầu tư phát triển 492.938 triệu đồng, đạt 58% (492.938/850.280 triệu đồng) so với dự toán Bộ Tài chính giao, đạt 57% (492.938/870.080 triệu đồng) so với dự toán Hội đồng nhân dân tỉnh giao

- + Chi thường xuyên 2.938.912 triệu đồng, đạt 81% (2.938.912/3.633.491 triệu đồng) so với dự toán Bộ Tài chính giao, đạt 79% (2.938.912/3.730.326 triệu đồng) so với dự toán Hội đồng nhân dân tỉnh giao.

- + Chi trả nợ lãi các khoản do chính quyền địa phương vay 1.590 triệu đồng, đạt 67% (1.590/2.365 triệu đồng) so với dự toán Hội đồng nhân dân tỉnh giao.

- + Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính 81.000 triệu đồng.

- Chi bổ sung có mục tiêu 966.336 triệu đồng, đạt 58% (966.336/1.665.622 triệu đồng) so với dự toán Bộ Tài chính giao và dự toán Hội đồng nhân dân tỉnh giao.

b) Chi ngân sách địa phương (bao gồm kinh phí thực hiện 03 Chương trình mục tiêu quốc gia) là 4.502.775 triệu đồng, đạt 68,03% (4.502.775/6.618.948 triệu đồng) so với dự toán Bộ Tài chính giao, đạt 64,43% (4.502.775/6.988.689 triệu đồng) so với dự toán Hội đồng nhân dân tỉnh giao.

Trong đó: Tổng số giải ngân kinh phí thực hiện 03 chương trình mục tiêu quốc gia tính đến ngày 25/10/2022 là 21.999 triệu đồng, đạt 5,8% (21.999/381.525 triệu đồng) so với dự toán Bộ Tài chính giao, đạt 4,0% (21.999/551.266 triệu đồng) so với dự toán Hội đồng nhân dân tỉnh giao.

1.2. Tổng chi ngân sách địa phương ước thực hiện năm 2022

a) Chi ngân sách địa phương (chưa tính kinh phí thực hiện 03 Chương trình mục tiêu quốc gia) 6.441.021 triệu đồng, đạt 103% (6.441.021/6.237.423 triệu

đồng) so với dự toán Bộ Tài chính giao, đạt 100,1% (6.441.021/6.437.423 triệu đồng) so với dự toán Hội đồng nhân dân tỉnh giao. Trong đó:

- Chi cân đối ngân sách địa phương 4.810.899 triệu đồng, đạt 105% (4.810.899/4.571.801 triệu đồng) so với dự toán Bộ Tài chính giao, đạt 101% (4.810.899/4.771.801 triệu đồng) so với dự toán Hội đồng nhân dân tỉnh giao; cụ thể:

- + Chi đầu tư phát triển 854.780 triệu đồng, đạt 101% (854.780/850.280 triệu đồng) so với dự toán Bộ Tài chính giao, đạt 98% (854.780/870.080 triệu đồng) so với dự toán Hội đồng nhân dân tỉnh giao

- + Chi thường xuyên 3.872.754 triệu đồng, đạt 107% (3.872.754/3.633.491 triệu đồng) so với dự toán Bộ Tài chính giao, đạt 104% (3.872.754/3.730.326 triệu đồng) so với dự toán Hội đồng nhân dân tỉnh giao.

- + Chi trả nợ lãi các khoản do chính quyền địa phương vay 2.365 triệu đồng, đạt 100% (2.365/2.365 triệu đồng) so với dự toán Hội đồng nhân dân tỉnh giao.

- + Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính 81.000 triệu đồng.

b) Chi ngân sách địa phương (bao gồm kinh phí thực hiện 03 Chương trình mục tiêu quốc gia) là 6.633.476 triệu đồng, đạt 100,2% (6.633.476/6.618.948 triệu đồng) so với dự toán Bộ Tài chính giao, đạt 95% (6.633.476/6.988.689 triệu đồng) so với dự toán Hội đồng nhân dân tỉnh giao.

Trong đó: Chi 03 chương trình mục tiêu quốc gia 192.455 triệu đồng, đạt 50% (192.455/381.525 triệu đồng) so với dự toán Bộ Tài chính giao, đạt 35% (192.455/551.266 triệu đồng) so với dự toán Hội đồng nhân dân tỉnh giao.

(Chi tiết theo Phụ lục số 02; 03 đính kèm)

2. Đánh giá tình hình thực hiện chi ngân sách nhà nước năm 2022

Trên cơ sở số thực chi tính đến hết ngày 25/10/2022 và nhu cầu chi cuối năm 2022 theo các Kế hoạch, Đề án, Chương trình đã được phê duyệt, cũng như các nhiệm vụ của năm 2021 chuyển sang năm 2022 thực hiện và thanh quyết toán trong năm 2022. Dự kiến các khoản chi thường xuyên năm 2022 bằng hoặc cao hơn dự toán đã được Hội đồng nhân dân tỉnh giao đầu năm 2022, cụ thể:

- Chi quốc phòng 78.533 triệu đồng, đạt 115% (78.533/68.199 triệu đồng) so với dự toán Hội đồng nhân dân tỉnh giao. Chủ yếu được bổ sung từ các nguồn dự phòng ngân sách huyện, thành phố để chi cho các nội dung như: kinh phí diễn tập chiến đấu phòng thủ năm 2022, kinh phí xây dựng hầm hạp luyện tập chuyển sang trạng thái sẵn sàng chiến đấu giai đoạn 2, kinh phí mua sắm máy đẩy phục vụ công tác phòng chống thiên tai tìm kiếm cứu nạn, kinh phí thực hiện nhiệm vụ quốc phòng địa phương. Chi diễn tập chiến đấu phòng thủ tại các phường Thanh Sơn, Đài Sơn, Văn Hải, xã Thành Hải và Ban Chỉ huy quân sự thành phố. Chi công tác huấn luyện dân quân năm 2022.

- Chi an ninh và trật tự an toàn xã hội 32.751 triệu đồng; đạt 100% so với dự toán Hội đồng nhân dân tỉnh giao.

- Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề 1.599.842 triệu đồng, đạt 102% (1.599.842/1.567.842 triệu đồng) so với dự toán Hội đồng nhân dân tỉnh giao. Chủ yếu được bổ sung từ nguồn kết dư ngân sách tỉnh năm 2020 để thực hiện Chương trình đổi mới giáo dục phổ thông, trang bị sách và thiết bị các lớp 3, lớp 7, lớp 10. Kinh phí cấp bù kinh phí do không thu tiền học phí 5 tháng năm học 2021-2022 do ảnh hưởng tình hình dịch Covid-19.

- Chi khoa học và công nghệ 24.887 triệu đồng, đạt 119% (24.887/20.985 triệu đồng) so với dự toán Hội đồng nhân dân tỉnh giao. Chủ yếu là do quyết toán đề tài của các năm trước từ số dư dự toán năm 2021 chuyển sang năm 2022 sử dụng; thanh toán tạm ứng từ số dư tạm ứng chi cho các đề tài dự án được chuyển sang năm 2022.

- Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình 447.831 triệu đồng, đạt 118% (447.831/379.630 triệu đồng) so với dự toán Hội đồng nhân dân tỉnh giao. Chủ yếu từ các nguồn kết dư ngân sách tỉnh năm 2020; kinh phí phòng chống dịch Covid-19 năm 2021 chuyển sang năm 2022; nguồn vận động phòng, chống dịch Covid-19 của tỉnh đã được Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh chuyển vào ngân sách tỉnh; để chi các nội dung như kinh phí mua thẻ bảo hiểm y tế người dân tộc thiểu số từ khu vực II xuống khu vực I. Hỗ trợ chi thường xuyên cho các đơn vị sự nghiệp y tế công lập thu không đủ chi do tác động của dịch Covid-19 theo Quyết định số 16/2022/QĐ-TTg ngày 08/7/2022 của Thủ tướng Chính phủ; Thực hiện thanh toán các khoản chi theo Nghị định số 29/2022/NĐ-CP ngày 29/4/2022 của Chính phủ như hoàn trả chi phí phục vụ công tác phòng, chống dịch Covid-19, thanh toán chi phí khám bệnh, chữa bệnh đối với người bệnh Covid-19.

Trong năm 2022 (tính đến hết ngày 25/10/2022), Tỉnh đã cấp số tiền là 68.264.551.131 đồng; trong đó: kinh phí theo Quyết định số 16/2022/QĐ-TTg số tiền là 17.873.341.908 đồng; Nghị định số 29/2022/NĐ-CP số tiền là 50.391.209.223 đồng. Cụ thể đã phân bổ kinh phí cho các đơn vị như Sở Y tế số tiền 65.160.193.916 đồng; Bộ chỉ huy Quân sự tỉnh số tiền 3.104.357.215 đồng. Nhu cầu kinh phí chi cho công tác phòng chống dịch còn thiếu của năm 2021 là 262.145.000 đồng; năm 2022 là 3.793.547.781 đồng.

- Chi hoạt động kinh tế 591.980 triệu đồng, đạt 104% (591.980/568.918 triệu đồng) so với dự toán Hội đồng nhân dân tỉnh giao. Chủ yếu từ nguồn tăng thu ngân sách năm 2021, kết dư ngân sách tỉnh năm 2020, Trung ương bổ sung có mục tiêu trong năm 2022, để chi các nội dung như: Kinh phí thực hiện dự án khắc phục khẩn cấp hậu quả thiên tai Kè chống sạt lở bờ biển thôn Mỹ Hiệp, xã Thanh Hải, huyện Ninh Hải. Kinh phí thực hiện ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số của tỉnh. Kinh phí thanh toán các công trình chống hạn năm 2020 đã hoàn thành phê duyệt quyết toán của Công ty Khai thác công trình thủy lợi; Kinh phí bổ sung xây dựng Đề án phát triển Ninh Thuận thành Trung tâm năng lượng tái tạo của cả nước. Kinh phí nâng cấp Đập dâng nước sinh hoạt thôn Cầu

Gãy - Vĩnh Hy; Đầu nôi, mở rộng ống cấp nước; Mở rộng một số tuyến đường ống hệ thống cấp nước; Sửa chữa, nâng cấp Hệ thống thủy lợi; Chi phí vận hành Trạm xử lý nước thải năm 2019 (Trạm xử lý nước thải: Ninh Chữ, Cà Ná). Từ tăng thu ngân sách và nguồn dự phòng ngân sách huyện, thành phố để chi công tác cưỡng chế, di dời, tháo dỡ lồng bè khu vực biển Bình Sơn. Sửa chữa hệ thống chiếu sáng khắc phục các điểm đen an toàn giao thông. Kinh phí xác định giá đất. Kinh phí thực hiện hạng mục duy trì cây xanh, thảm cỏ khu Hạ tầng Công viên biển Ninh Chữ năm 2022. Kinh phí thực hiện chính sách hỗ trợ ngư dân năm 2022.

- Chi hoạt động quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể 717.626 triệu đồng, đạt 100,4% (717.626/715.076 triệu đồng) so với dự toán Hội đồng nhân dân tỉnh giao. Chủ yếu từ nguồn kết dư ngân sách tỉnh năm 2020, tăng thu ngân sách tỉnh và tăng thu ngân sách huyện, để chi các nội dung như: thu hồi tạm ứng kinh phí thực hiện nhà ở hộ nghèo theo Quyết định số 167/2008/QĐ-TTg ngày 12/12/2008 của Thủ tướng Chính phủ. Bổ sung kinh phí cho Sở Nội vụ để thực hiện hoàn trả tạm ứng ngân sách tỉnh kinh phí đã tạm ứng thực hiện Dự án hoàn thiện, hiện đại hóa hồ sơ, bản đồ địa giới hành chính tỉnh Ninh Thuận. Chi thù lao cho các Hội có tính chất đặc thù của xã, thị trấn. Một số nhiệm vụ chi của năm 2021 không thực hiện do ảnh hưởng của dịch Covid-19 đã chuyển sang năm 2022 thực hiện và quyết toán trong năm 2022.

- Chi bảo đảm xã hội 225.330 triệu đồng, đạt 100,2% (225.330/224.930 triệu đồng) so với dự toán Hội đồng nhân dân tỉnh giao. Chủ yếu từ nguồn tăng thu ngân sách tỉnh năm 2021, tăng thu ngân sách huyện để thực hiện các nội dung như: Ủy thác cho Ngân hàng chính sách xã hội thực hiện cho vay giải quyết việc làm trên địa bàn tỉnh. Từ nguồn Trung ương bổ sung có mục tiêu trong năm để thực hiện Chương trình phát triển công tác xã hội và Chương trình trợ giúp xã hội đối với người tâm thần, trẻ em tự kỷ và người rối nhiễu tâm trí.

(Chi tiết theo Phụ lục số 03 đính kèm)

3. Chi chương trình mục tiêu quốc gia

3.1. Về công tác chỉ đạo thực hiện 03 Chương trình mục tiêu quốc gia: Thực hiện các Quy định của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Ủy ban nhân dân tỉnh đã ban hành hoặc trình cấp có thẩm quyền ban hành các văn bản để hướng dẫn, cụ thể hóa các quy định của Trung ương thực hiện các Chương trình MTQG trên địa bàn tỉnh. Đến nay, Tỉnh Ninh Thuận đã ban hành:

a) 05 Nghị quyết Hội đồng nhân dân tỉnh, cụ thể: (1) Nghị quyết số 48/NQ- HĐND ngày 30/8/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh về Phát triển kinh tế-xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi tỉnh Ninh Thuận đến năm 2025, định hướng đến năm 2030; Nghị quyết số 03/NQ-HĐND ngày 30/6/2022 Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn NSTW và tỷ lệ vốn đối ứng NSDP thực hiện CTMTQG giảm nghèo bền vững; (2) Nghị quyết số 04/NQ-HĐND ngày 30/6/2022 Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn NSTW và tỷ lệ vốn đối ứng NSDP thực hiện CTMTQG phát triển KTXH vùng đồng bào DTTS-MN; (3) Nghị quyết số 14/2022/NQ-HĐND ngày

20/10/2022 quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và tỷ lệ với đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận; (4) Nghị quyết số 22/NQ-HĐND ngày 30/6/2022 giao KH đầu tư công trung hạn 2021-2025 các CTMTQG; (5) Nghị quyết số 23/NQ-HĐND ngày 30/6/2022 giao KH đầu tư công năm 2022 các CTMTQG; (6) Nghị quyết số 26/NQ- HĐND ngày 30/6/2022 phân bổ KP sự nghiệp NSTW bổ sung có mục tiêu và KP NSĐP đối ứng thực hiện 03 CTMTQG năm 2022.

b) Quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh: (1) Quyết định số 378/QĐ-UBND và (2) Quyết định số 379/QĐ-UBND ngày 30/6/2022 Giao kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 và năm 2022 các CTMTQG; (3) Quyết định số 403/QĐ-UBND ngày 7/7/2022 Giao kế hoạch vốn sự nghiệp thực hiện các CTMTQG năm 2022; (4) Quyết định số 34/2022/QĐ-UBND ngày 06/7/2022 Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn NSTW và tỷ lệ vốn đối ứng NSĐP thực hiện CTMTQG phát triển KTXH vùng đồng bào DTTS-MN; (5) Quyết định số 35/2022/QĐ-UBND ngày 20/7/2022 Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn NSTW và tỷ lệ vốn đối ứng NSĐP thực hiện CTMTQG Giảm nghèo bền vững; (6) Quyết định số 34/QĐ-UBND ngày 12/1/2022 phê duyệt Đề án thực hiện công tác giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 – 2025 và định hướng đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận; Quyết định số 46/QĐ-UBND ngày 16/1/2022 phê duyệt Đề án nâng cao chất lượng giáo dục vùng dân tộc thiểu số, miền núi, vùng đặc biệt khó khăn trên địa bàn tỉnh, giai đoạn 2021-2025 và định hướng đến năm 2030; Quyết định số 496/QĐ-UBND ngày 11/9/2022 ban hành Kế hoạch thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025 trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận; Quyết định 504/QĐ-UBND ngày 20/9/2022 ban hành Bộ tiêu chí về xã nông thôn mới theo các mức độ (đạt chuẩn, nâng cao, kiểu mẫu) trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận giai đoạn 2021-2025; Quyết định 535/QĐ-UBND ngày 4/10/2022 ban hành Bộ tiêu chí và Quy định việc đánh giá, trình tự thủ tục, hồ sơ xét, công nhận, công bố thôn đạt chuẩn nông thôn mới, thôn nông thôn mới kiểu mẫu giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận; Quyết định số 37/QĐ-UBND ngày 10/01/2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về việc thành lập Ban Chỉ đạo các Chương trình mục tiêu quốc gia tỉnh Ninh Thuận giai đoạn 2021-2025; Quyết định số 253/QĐ-UBND ngày 10/3/2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về việc thành lập Ban Chỉ đạo thực hiện chương trình phát triển kinh tế-xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 tỉnh Ninh Thuận; Quyết định số 284/QĐ-BCĐCTMTQG ngày 13/3/2022 của Trưởng Ban Chỉ đạo các Chương trình mục tiêu quốc gia tỉnh Ninh Thuận giai đoạn 2021-2025 ban hành Quy chế hoạt động của Ban Chỉ đạo các Chương trình mục tiêu quốc gia tỉnh Ninh Thuận giai đoạn 2021-2025; Quyết định số 532/QĐ-UBND ngày 06/5/2022 của Ban Chỉ đạo thực hiện chương trình phát triển kinh tế-xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 tỉnh Ninh Thuận Ban

hành Quy chế hoạt động của Ban Chỉ đạo thực hiện chương trình phát triển kinh tế-xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 tỉnh Ninh Thuận.

c) Ban hành các Kế hoạch, văn bản triển khai thực hiện các chương trình MTQG:

- *Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới*: Kế hoạch số 2685/KH-UBND ngày 21/6/2022 phát động Phong trào thi đua xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận; Kế hoạch số 3402/KH-UBND ngày 04/8/2022 Truyền thông phục vụ Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận; Văn bản số 3604/UBND-KTTH ngày 17/8/2022 hướng dẫn thực hiện các Tiêu chí, chỉ tiêu thuộc lĩnh vực ngành xây dựng trong Bộ tiêu chí quốc gia về nông thôn mới giai đoạn 2021-2025; Kế hoạch số 3801/KH-UBND ngày 31/8/2022 Triển khai can thiệp phòng chống Suy dinh dưỡng thể thấp còi ở trẻ em dưới 5 tuổi để thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 – 2025; Kế hoạch số 4174/KH-UBND ngày 23/9/2022 của UBND tỉnh triển khai thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận; Kế hoạch số 4185/KH-UBND ngày 25/9/2022 của UBND tỉnh thực hiện Chương trình phát triển du lịch nông thôn trong xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận; Kế hoạch số 4191/KH-UBND ngày 25/9/2022 của UBND tỉnh triển khai thực hiện Chương trình chuyển đổi số trong xây dựng nông thôn mới, hướng tới nông thôn mới thông minh giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận; Kế hoạch số 4192/KH-UBND ngày 25/9/2022 của UBND tỉnh Kế hoạch thực hiện Chương trình tăng cường bảo vệ môi trường, an toàn thực phẩm và cấp nước sạch nông thôn trong xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận; Kế hoạch số 4297/KH-UBND ngày 3/10/2022 triển khai thực hiện Chương trình nâng cao chất lượng, hiệu quả thực hiện tiêu chí an ninh, trật tự trong xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận; Văn bản 4540/UBND-VXNV ngày 19/10/2022 triển khai nội dung thành phần giáo dục và đào tạo thuộc Chương trình Mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025;

- *Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững*: Kế hoạch số 565/KH-UBND ngày 14/2/2022 Triển khai thực hiện Nghị quyết số 160/NQ-CP ngày 22/12/2021 của Chính phủ về ban hành kế hoạch thực hiện Chỉ thị số 05-CT/TW ngày 23/6/2021 của Ban Bí thư Trung ương Đảng khóa XIII về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác giảm nghèo bền vững đến năm 2030; Kế hoạch số 890/KH-UBND ngày 07/3/2022 Triển khai thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững tỉnh Ninh Thuận giai đoạn 2021 – 2025; Kế hoạch số 3995/KH-UBND ngày 14/9/2022 Triển khai thực hiện hoạt động “Cải thiện dinh dưỡng” thuộc Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 – 2025; Kế hoạch số 3572/KH-UBND ngày 16/8/2022 Truyền thông về Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận; Kế hoạch số 3133/KH-

UBND ngày 18/7/2022 Giám sát, đánh giá thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 – 2025 trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận

- *Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi*: Kế hoạch số 2901/KH-UBND ngày 04/7/2022 Kiểm tra, giám sát, đánh giá thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030; giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025 trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận; Kế hoạch số 3503/KH-UBND ngày 11/8/2022 Đào tạo nâng cao năng lực cho cộng đồng và cán bộ triển khai Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế-xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 – 2030, giai đoạn I: từ năm 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận; Kế hoạch số 3653/KH-UBND ngày 22/8/2022 Truyền thông về Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2025; Kế hoạch số 4086/KH-UBND ngày 19/9/2022 Kế hoạch thực hiện Dự án 8 “Thực hiện bình đẳng giới và giải quyết những vấn đề cấp thiết đối với phụ nữ và trẻ em” thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia “Phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn I: 2022 đến năm 2025; Kế hoạch số 4211/KH-UBND ngày 27/9/2022 Triển khai thực hiện Tiểu mục 9.2 của Dự án 9 về “Giảm thiểu tình trạng tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi” trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận, giai đoạn 2021-2025 (giai đoạn II).

3.2. Về phân bổ và giải ngân kinh phí thực hiện 03 Chương trình mục tiêu quốc gia

a) Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới năm 2022:

- Vốn đầu tư: tổng số 51 dự án (khởi công mới), với tổng vốn 92.380 triệu đồng để thực hiện 01 nội dung thành phần của Chương trình, trong đó vốn ngân sách trung ương 69.280 triệu đồng.

- Vốn sự nghiệp, số tiền 35.086 triệu đồng; trong đó: ngân sách Trung ương bổ sung 14.030 triệu đồng; ngân sách tỉnh đối ứng (bằng 150% vốn ngân sách Trung ương) 21.056 triệu đồng, gồm: ngân sách cấp tỉnh đối ứng 11.497 triệu đồng; ngân sách huyện, thành phố đối ứng 9.559 triệu đồng.

+ Tính đến hết ngày 25/10/2022 giải ngân 2.234 triệu đồng; đạt 2,7% (2.234/83.310 triệu đồng) so với kinh phí được Trung ương giao và đạt 1,1% (2.234/208.286 triệu đồng) so với kinh phí được Hội đồng nhân dân tỉnh phân bổ.

+ Ước thực hiện năm 2022 giải ngân 75.595 triệu đồng; đạt 91% (75.595/83.310 triệu đồng) so với kinh phí được Trung ương giao và đạt 36% (75.595/208.286 triệu đồng) so với kinh phí được Hội đồng nhân dân tỉnh phân bổ.

b) Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững năm 2022:

- Vốn đầu tư: tổng số 36 dự án (khởi công mới), với tổng vốn 80.748 triệu đồng để thực hiện 02 dự án thành phần của Chương trình, trong đó vốn ngân sách Trung ương 80.728 triệu đồng.

- Vốn sự nghiệp, số tiền 42.709,87 triệu đồng; trong đó: ngân sách Trung ương bổ sung 37.139 triệu đồng; ngân sách tỉnh đối ứng (bằng 15% vốn ngân sách Trung ương) 5.570,87 triệu đồng, gồm: ngân sách cấp tỉnh đối ứng 1.234,8 triệu đồng; ngân sách huyện, thành phố đối ứng 4.336,07 triệu đồng.

+ Tính đến hết ngày 25/10/2022 giải ngân 2.407 triệu đồng; đạt 2,7% (2.407/117.867 triệu đồng) so với kinh phí được Trung ương giao và đạt 1,1% (2.407/135.578 triệu đồng) so với kinh phí được Hội đồng nhân dân tỉnh phân bổ.

+ Ước thực hiện năm 2022 giải ngân 43.554 triệu đồng; đạt 37% (43.554/117.867 triệu đồng) so với kinh phí được Trung ương giao và đạt 32% (43.554/135.578 triệu đồng) so với kinh phí được Hội đồng nhân dân tỉnh phân bổ.

c) Chương trình mục tiêu quốc gia Phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi năm 2022

- Vốn đầu tư: tổng số 72 dự án (khởi công mới), với tổng vốn 120.399 triệu đồng để thực hiện 06 dự án thành phần của Chương trình, trong đó vốn ngân sách Trung ương 116.519 triệu đồng.

- Vốn sự nghiệp, số tiền 73.403,48 triệu đồng; trong đó: ngân sách Trung ương bổ sung 63.829 triệu đồng; ngân sách tỉnh đối ứng (bằng 15% vốn ngân sách Trung ương) 9.574,48 triệu đồng, gồm: ngân sách cấp tỉnh đối ứng 3.215,14 triệu đồng; ngân sách huyện, thành phố đối ứng 6.359,34 triệu đồng.

+ Tính đến hết ngày 25/10/2022 giải ngân 17.358 triệu đồng; đạt 9,6% (17.358/180.348 triệu đồng) so với kinh phí được Trung ương giao và đạt 8,4% (17.358/207.402 triệu đồng) so với kinh phí được Hội đồng nhân dân tỉnh phân bổ.

+ Ước thực hiện năm 2022 giải ngân 73.306 triệu đồng; đạt 41% (73.306/180.348 triệu đồng) so với kinh phí được Trung ương giao và đạt 35% (73.306/207.402 triệu đồng) so với kinh phí được Hội đồng nhân dân tỉnh phân bổ.

III. Tình hình tạm ứng ngân sách tỉnh năm 2022

1. Số tạm ứng ngân sách tỉnh năm 2022

- Dư nợ tạm ứng tính đến hết năm 2021 là 93.852,57 triệu đồng

- Tạm ứng trong năm 2022 là 305.000 triệu đồng; chủ yếu tạm ứng kinh phí để thực hiện bồi thường, giải phóng mặt bằng dự án Môi trường bền vững các thành phố duyên hải - Tiểu dự án thành phố Phan Rang - Tháp Chàm số tiền: 170 tỷ đồng (theo Quyết định số 748/QĐ-UBND ngày 22/6/2022; số 1277/QĐ-UBND ngày 12/9/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh) và thực hiện Dự án đường

giao thông nối cao tốc Bắc Nam với Quốc lộ 1 và Cảng tổng hợp Cà Ná theo Quyết định số 1246/QĐ-UBND ngày 08/9/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh, số tiền: 120 tỷ đồng.

- Hoàn trả tạm ứng năm 2022 đến ngày 25/10/2022 là 44.865,62 triệu đồng; Trong đó: Kinh phí để đầu tư hệ thống điện phục vụ cho người dân xã Phước Sơn và Phước Hải, huyện Ninh Phước. Kinh phí hỗ trợ thực hiện chính sách theo Nghị định số 17/2018/NĐ-CP ngày 02/02/2018 của Chính phủ; Quyết định số 1677/QĐ-UBND ngày 16/10/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận. Kinh phí hoàn thiện dự án theo Đề án 513. Kinh phí thực hiện nhà ở hộ nghèo theo Quyết định số 167/2008/QĐ-TTg ngày 12/12/2008 của Thủ tướng Chính phủ. Kinh phí dự trữ hàng hóa bình ổn giá tết nguyên đán Nhâm dần 2022. Kinh phí điều trị F0.

- Số dư tạm ứng đến ngày 25/10/2022 là 353.986,95 triệu đồng;

(Chi tiết theo Phụ lục số 04 đính kèm)

2. Phương án thu hồi tạm ứng ngân sách tỉnh

- Đối với các khoản tạm ứng thực hiện chi trả bồi thường, hỗ trợ tài sản trên đất dự án Nhà máy Thông Thuận Seafood 1, phường Thanh Sơn, thành phố Phan Rang - Tháp Chàm của Công ty TNHH Thông Thuận số tiền: 10.314 triệu đồng, Sở Tài chính sẽ tham mưu bố trí nguồn hoàn trả tạm ứng từ nguồn bán đấu giá Nhà máy Thông Thuận Seafood 1.

- Đối với khoản tạm ứng kinh phí hỗ trợ người dân gặp khó khăn do bị ảnh hưởng bởi dịch Covid-19 theo Nghị quyết 68/NQ-CP cho thành phố Phan Rang – Tháp Chàm, số tiền 32.000 triệu đồng, do nguồn dự phòng và nguồn CCTL năm 2021 của thành phố đã bố trí hết cho công tác phòng chống dịch, vì vậy, Sở Tài chính sẽ tham mưu bố trí thu hồi từ nguồn CCTL ngân sách tỉnh năm 2021 chuyển nguồn sang năm 2022 theo quy định.

- Đối với tạm ứng kinh phí thực hiện chính sách bảo trợ xã hội theo Nghị định số 20/2021/NĐ-CP trong năm 2021, số tiền: 9.000 triệu đồng, trong đó tạm ứng cho thành phố Phan Rang – Tháp Chàm số tiền 6.700 triệu đồng, tạm ứng cho UBND huyện Ninh Sơn, số tiền: 2.300 triệu đồng. Sở Tài chính đã trình UBND tỉnh báo cáo Bộ Tài chính xem xét bổ sung kinh phí thiếu cho tỉnh tại văn bản số 1375/UBND – KTTH ngày 04/4/2022, sau khi Bộ Tài chính cấp bổ sung, Sở Tài chính sẽ trình thu hồi tạm ứng theo quy định.

- Đối với kinh phí tạm ứng cho BQL các dự án công trình công nghiệp và Dân dụng thực Dự án Đường giao thông nối cao tốc Bắc Nam với Quốc lộ 1 và Cảng tổng hợp Cà Ná, số tiền 120.000 triệu đồng, sau khi dự án được bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 nguồn vốn ngân sách trung ương Sở Kế hoạch và Đầu tư sẽ tham mưu bố trí nguồn hoàn trả tạm ứng theo quy định.

- Đối với kinh phí thực hiện tạm ứng cho Ban Xây dựng Năng lực và TH ODA ngành nước để thực hiện bồi thường, giải phóng mặt bằng Dự án Môi

trường bền vững các thành phố Duyên Hải, tiểu dự án thành phố Phan Rang – Tháp Chàm, số tiền 170.000 triệu đồng, hiện nay Sở Kế hoạch và Đầu tư đang lập thủ tục hoàn trả tạm ứng số tiền 100.000 triệu đồng từ nguồn tăng thu ngân sách tỉnh năm 2021, riêng 70.000 đồng còn lại Sở Kế hoạch và Đầu tư cân đối bố trí nguồn hoàn trả theo quy định.

- Đối với các khoản tạm ứng ngân sách tỉnh còn lại, UBND tỉnh đã có văn bản số 4510/UBND-KTTH ngày 10/10/2022 chỉ đạo các đơn vị khẩn trương thực hiện hoàn trả tạm ứng cho ngân sách tỉnh số tiền đã tạm ứng.

IV. Tình hình sử dụng dự phòng ngân sách năm 2022

Tổng nguồn dự phòng ngân sách tỉnh, số tiền 47.691 triệu đồng, cụ thể:

+ Tính đến hết ngày 25/10/2022, đã chi từ nguồn dự phòng ngân sách tỉnh số tiền là 9.509,32 triệu đồng hỗ trợ chi thường xuyên cho các đơn vị sự nghiệp y tế công lập thu không đủ chi do tác động của dịch covid-19 theo Quyết định số 16/2022/QĐ-TTg ngày 08/7/2022 của Thủ tướng Chính phủ.

+ Nguồn dự phòng ngân sách cấp tỉnh năm 2022 còn lại 38.181,68 triệu đồng; dự kiến chi bổ sung kinh phí phát sinh cuối năm thuộc nhiệm vụ chi địa phương từ nguồn dự phòng ngân sách tỉnh.

Ủy ban nhân dân tỉnh kính báo cáo Hội đồng nhân dân tỉnh về tình hình thực hiện nhiệm vụ thu, chi ngân sách năm 2022./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Thường trực: Tỉnh ủy, HĐND tỉnh; (b/c)
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Ban KTNS-HĐND tỉnh;
- Sở Tài chính;
- VPUB: LĐ, KTTH;
- Lưu: VT. NĐT

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Long Biên